

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HS-PT

Ngày: 15-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài
Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại UBND xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 97/2023/TLPT-HS ngày 11/5/2023 đối với bị cáo Hoàng Văn H cùng đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H1**; sinh năm 1970 tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Vũ Thị D; có chồng là ông Lê Huy M; bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo Nguyễn Thị H1 bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2022 đến ngày 02/8/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

*** Bị cáo bị kháng nghị:**

Họ và tên: **Hoàng Văn H**; sinh năm 1985 tại Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn 2, xã LD, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn M và bà Vi Thị Q; có vợ là chị Ka D và con tên Ka Hoàng Kiều O; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 25/11/2004, Hoàng

Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử tại Bản án số: 40/HS-ST xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” H đã chấp hành xong hình phạt và đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/04/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Nguyễn Kim Đ – Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu Mừng; Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản Cáo trạng thể hiện như sau.

Khoảng tháng 9 năm 2021, trong quá trình sử dụng mạng xã hội facebook, bị cáo Hoàng Văn H có thấy một bài đăng liên quan đến làm các loại tờ, tài liệu của cơ quan Nhà nước. H kết nối qua "Zalo" với số điện thoại 0333571572 đã đính kèm trên bài đăng để liên lạc với tên người dùng zalo là “Vi Vi” (Không đề chi tiết về thông tin người dùng, địa chỉ cụ thể). Qua trao đổi nói chuyện, H biết được người có tên trên Zalo "Vi Vi" có nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) bằng cách chụp hình ảnh trích lục thửa đất và hình ảnh chụp Chứng minh nhân dân của người sử dụng gửi qua Zalo cho "Vi Vi" sẽ làm được GCNQSDĐ; số tiền cần để làm là 15.000.000 đồng /1GCNQSDĐ, đồng thời H đã nhận thức được đây là việc làm sô giả.

Tháng 10/2021, bị cáo Hoàng Văn H có gặp bị cáo Nguyễn Thị H1. Trong quá trình trò chuyện, Hằng có đề cập với H về việc muốn làm Giấy chứng nhận QSDĐ (do trước đó Hằng đã mua một số thửa đất chỉ có trích lục mà chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ) thì H nói với bà H1 là H có thể làm được Giấy chứng nhận QSDĐ và chỉ cần chụp trích lục thửa đất và chứng minh nhân dân là làm được, thời gian từ một tuần đến hai tuần là xong. Mặc dù nhận thức được việc H nhận làm Giấy chứng nhận QSDĐ là sô giả nhưng vì muốn có Giấy chứng nhận QSDĐ để nhằm mục đích mua bán, chuyển nhượng nên Hằng vẫn đồng ý đưa H làm nhiều Giấy chứng nhận QSDĐ cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 11/2021, H nhận làm cho Hằng 02 GCNQSDĐ gồm 01 GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Thị H1 và 01 Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Lê Huy Mên là chồng Hằng. Hằng có cung cấp cho H 02 bản trích lục thửa đất gồm thửa 21, tờ 17, xã Tân Thượng, diện tích 12994.7 m² sẽ đứng tên Nguyễn Thị H1 và thửa 168, tờ 6, xã Tân Thượng, diện tích 5169,4 m² (Đất này vợ chồng ông Mên và Hằng nhận chuyển nhượng của Lê Cao Bình và của ông K’ Điền chỉ có trích lục thửa đất), sẽ đứng tên ông Lê Huy Mên, cùng 02 bản photo CMND của Hằng, của ông Mên; ngoài ra không đưa thêm bất kỳ tài liệu hay giấy

tờ gì khác. H thỏa thuận với và Hằng số tiền làm Giấy chứng nhận QSDĐ là 50.000.000 đồng /1GCNQSDĐ và được Hằng đồng ý, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Hằng đưa trước cho H một lần 30.000.000 đồng và một lần đưa 15.000.000 đồng. Khi đưa Hằng có ghi lại vào sổ tay của Hằng về việc H nhận tiền của Hằng để làm Giấy chứng nhận QSDĐ và được H ký ghi tên xác nhận vào các ngày 12/11/2021 và 19/11/2021, số tiền còn lại thỏa thuận sau khi giao Giấy chứng nhận QSDĐ sẽ đưa hết. Sau đó, H chụp và gửi hình ảnh 02 bản trích lục thửa đất và 02 bản photo chứng minh nhân dân cho người tên "Vi Vi" qua Zalo. Tài khoản Zalo "Vi Vi" có cung cấp cho H 02 số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền gồm: số tài khoản 7250107558006 - Ngân hàng MB Bank và số tài khoản 101872541562 - Ngân hàng Viettinbank. Sau đó H đã chuyển cho "Vi Vi" 30.000.000 đồng. Khoảng hai tuần sau, H nhận được 02 Giấy chứng nhận QSDĐ gồm Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD321237 - Thửa 21, tờ 17, xã Tân Thượng mang tên Nguyễn Thị H1 và Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD325537 - Thửa 168, tờ 6, xã Tân Thượng mang tên Lê Huy Mên. H trực tiếp đến nhà của bà H1 tại Thôn 7, Tân Châu, Di Linh, Lâm Đồng để giao 02 GCNQSDĐ này cho Hằng. Khi nhận được 02 Giấy chứng nhận QSDĐ, Hằng đưa cho H số tiền 55.000.000 đồng còn lại như thỏa thuận; do đã nhận các Giấy chứng nhận QSDĐ và đưa hết tiền nên Hằng không ghi sổ nữa.

Nguồn gốc thửa 21, tờ 17, xã Tân Thượng, thì đất này của ông Lê Cao Bình, ông Bình có trao đổi, thỏa thuận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất 21, tờ bản đồ số 17, xã Tân Thượng với Nguyễn Thị H1. Theo đó, ông Bình đồng ý chuyển nhượng một nửa quyền sử dụng thửa đất 21, tờ bản đồ số 17, xã Tân Thượng cho Hằng với số tiền 300.000.000 đồng, Hằng đặt tiền cọc trước 200.000.000 đồng, không chuyển nhượng hết cả thửa đất, hai bên đã thống nhất viết "giấy sang nhượng đất" và ký, ghi họ tên. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị cáo Hằng, ông Bình có đưa cho bị cáo Hằng 01 Hợp đồng mua bán đất giữa ông Bình với ông K' Nghệp, 01 Trích lục bản đồ địa chính (bản photo) ngày 06/4/2018 của UBND xã Tân Thượng.

Lần thứ hai: Bị cáo Hoàng Văn H nhận làm cho bị cáo Nguyễn Thị H1 04 Giấy chứng nhận QSDĐ gồm: 01 Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Nguyễn Thị H1, thửa 487, tờ bản đồ số 52C, Tân Thượng đất này Hằng nhận chuyển nhượng của Ka H và đã có Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông K' Yieu là bố của Ka H. Tuy nhiên Giấy chứng nhận QSDĐ bản chính hiện tại đang do bà Lê Thị Độ cất giữ vì Ka H nợ tiền bà Độ; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Nguyễn Thị H1 thửa 6, tờ bản đồ số 12, xã Tân Thượng, đất này là của Lê Thị Thái

Châu là con gái của bị cáo Hằng mua của ông Trương Văn Tính nhưng khi giao dịch Hằng là người đứng ra thỏa thuận, Châu chỉ là người ký tên, ông Tính cung cấp cho Hằng 01 trích lục nhưng chưa được UBND xã Tân Thượng ký xác nhận; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ mang Trần Thanh Bình thửa 33, tờ bản đồ số 5, xã Tân Thượng, lý do thửa đất này Hằng làm đứng tên ông Bình vì giữa vợ chồng Hằng với bà Trần Thị Thanh Loan (chị gái của Bình) thỏa thuận mua bán, giá nhận chuyển nhượng đất, phương thức thanh toán là do bà Loan đứng ra còn ông Bình là người đứng ra ký các giấy tờ liên quan và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó các bên thống nhất giá chuyển nhượng thửa 33, tờ bản đồ số 5, xã Tân Thượng là 1.000.000.000 đồng, bà Loan nói với Hằng nếu đất làm được Giấy chứng nhận QSDĐ thì bà Loan sẽ trả 1.300.000.000 đồng và nếu đất không làm được giấy chứng nhận QSDĐ thì bà Loan vẫn đồng ý mua 1.000.000.000 đồng, bà Loan đã đặt cọc cho Hằng số tiền 300.000.000 đồng và Hằng đã nhờ H làm sổ đứng tên Trần Thanh Bình. Nguồn gốc của thửa đất này Hằng nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Hoàn, khi nhận chuyển nhượng ông Hoàn có nói rõ cho Hằng biết đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và UBND xã cũng không cấp trích lục thửa đất cho ông Hoàn; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Nguyễn Trung Đức thửa 111, tờ bản đồ số 51D, Tân Thượng lý do thửa đất này Hằng làm sổ đứng tên ông Đức vì thửa đất này ông Đức mua của bà Lê Thị Kim Chung nhưng chưa sang tên cho ông Đức, sau đó ông Đức chuyển nhượng lại cho Hằng và giao cho Hằng đi làm thủ tục chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cùng với số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó bị cáo H thỏa thuận với bị cáo Hằng thuận số tiền làm sổ là 50.000.000 đồng/01GCNQSDĐ. Bị cáo Hằng đã gửi cho bị cáo H hình ảnh các trích lục thửa đất và hình ảnh chứng minh nhân dân của những người trên và bị cáo H gửi cho tài khoản Zalo "Vi Vi" để làm Giấy chứng nhận QSDĐ tương tự các lần trước. H nhận tiền từ Hằng số tiền 60.000.000 đồng ngày 17/12/2021; ngày 15/12/2021 nhận 15.000.000đ và 15.000.000 đồng ngày 19/12/2021; nhận chuyển khoản 02 lần với số tiền 60.000.000đ.

Như vậy căn cứ vào giấy biên nhận tiền giữa bị cáo Hằng và bị cáo H; căn cứ bản sao kê tài khoản ngân hàng, ông Mên chồng của hằng đã chuyển cho bị cáo và lần bị cáo H nhận 55.000.000đ của bị cáo Hằng nhưng Hằng không ghi vào sổ thì tổng số tiền bị cáo H đã nhận của bị cáo Hằng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 250.000.000đ.

Ngày 22/12/2021, Nguyễn Thị H1 chuyển nhượng và lập Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 21, tờ 17, xã Tân Thượng cho ông Hà Văn Nam. Trong quá trình lập Hợp đồng đặt

cọc tại văn phòng công chứng thì bị Cơ quan Công an huyện Di Linh đã phát hiện sự việc và tiến hành tạm giữ.

Ngoài việc nhận làm Giấy chứng nhận QSDĐ cho Nguyễn Thị H1 và thông qua mối quan hệ quen biết với Hằng nên bị cáo H gặp bà Hoàng Thị Thim, bà Đặng Thị Phương rồi đưa ra các thông tin gian dối về việc làm Giấy chứng nhận QSDĐ như: H nói có quen biết người trên sở tài nguyên và môi trường tỉnh có thể làm nhanh các thủ tục cấp mới giấy chứng nhận QSDĐ để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà Thim và bà Phương, cụ thể:

Hoàng Văn H làm cho bà Hoàng Thị Thim, 03 Giấy chứng nhận QSDĐ với số tiền 50.000.000 đồng/01 GCNQSDĐ, tổng cộng là 150.000.000 đồng. H đã nhận của bà Thim tổng số tiền mà bà Hoàng Thị Thim đã đưa cho bị cáo Hoàng Văn H là 95.000.000 đồng. Do bà Thim nghĩ H làm Giấy chứng nhận QSDĐ theo dạng dịch vụ nên bà Thim đồng ý nhờ H làm và cung cấp cho H trích lục các thửa đất và thông tin chứng minh nhân dân, sau đó H cũng chuyển các hình ảnh cho tài khoản Zalo "Vi Vi" tương tự như các lần trước. Khi nhận được các Giấy chứng nhận QSDĐ, H đưa trước cho bà Thim 01 Giấy chứng nhận QSDĐ, còn 02 Giấy chứng nhận QSDĐ còn lại H cất giữ tại nhà. Sau khi xảy ra sự việc, bà Thim đã giao nộp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 331265 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Di Linh. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 331236 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD331247 đều mang tên Hoàng Thị Thim, đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Di Linh phát hiện và thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nhà ở của Hoàng Văn H. Quá trình điều tra bà Hoàng Thị Thim khai nhận sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 204, tờ bản đồ số 19, xã Tân Lâm do H đưa, bà Thim nghi ngờ là sổ giả nên đã ra Văn phòng công chứng Trần Văn Thanh tại Hòa Ninh kiểm tra nghi ngờ là giả nên bà Thim không đưa số tiền còn lại cho H. (BL:233-236, 778-779)

Hoàng Văn H nhận làm cho bà Đặng Thị Phương 01 Giấy chứng nhận QSDĐ thỏa thuận giá là 30.000.000 đồng. Bà Phương cung cấp cho H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 584238 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 25/10/1995 đứng tên Lý Tiểu Nguyệt và thông tin những người sẽ đứng tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ gồm: Lý A Công (Chồng bà Phương), Cao Thị Ngọc, Đoàn Khánh Nam (Đất này là của con gái bà Phương tên Lý Tiểu Nguyệt, nhận chuyển nhượng khoảng 6-7 năm về trước nay muốn sang nhượng lại cho Lý A Công, Cao Thị Ngọc, Đoàn Khánh Nam). Tương tự những lần trước, H chụp hình và gửi hình ảnh thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 584238 và

thông tin những người sẽ đứng tên cho tài khoản Zalo "Vi Vi". Sau đó khoảng hai tuần H nhận được 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD 331237 đứng tên Lý A Công, Cao Thị Ngọc, Đoàn Khánh Nam và giao bà Phượng, sau khi nhận sổ bà Phượng không biết sổ mà H đưa cho là giả nên vẫn cất giữ ở nhà. Còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 584238 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 25/10/1995 bản chính của bà Phượng đưa cho thì H vẫn cất giữ tại nhà của mình. H đã nhận của bà Phượng tổng số tiền 35.000.000 đồng, trong đó gồm 10.000.000 đồng chuyển khoản đến số 64210000673711 của Hoàng Văn H và 25.000.000 đồng tiền mặt. Trong quá trình khám xét khẩn cấp nhà ở của Hoàng Văn H, Cơ quan CSĐT Công an huyện Di Linh phát hiện và thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 584238 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 25/10/1995 (Bản chính). (BL: 226-331, 767-769)

Vật chứng thu giữ:

01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD331236 mang tên Hoàng Thị Thim, đề ngày 15/10/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD331247 mang tên Hoàng Thị Thim, đề ngày 15/10/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD331265 mang tên Hoàng Thị Thim, đề ngày 10/5/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số CS159152 mang tên Nguyễn Thị H1, đề ngày 22/12/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD321237 mang tên Nguyễn Thị H1, đề ngày 06/4/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số CS159145 mang tên Trần Thanh Bình, đề ngày 22/12/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD325537 mang tên Lê Huy Mên, đề ngày 05/5/2021; 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số BD331237 mang tên ông/bà: Lý A Công, Cao Thị Ngọc, Đoàn Khánh Nam, đề ngày 05/5/2021; 01 Hợp đồng mua bán đất ngày 11/6/2019 giữa ông K' Nghệp và ông Lê Cao Bình; 01 Giấy sang nhượng đất giữa Nguyễn Thị H1 và Lê Cao Bình; 01 Cuốn vở trên bìa có ghi chữ "MONOKURO BOO" bao gồm 24 trang cả bìa; 01 Bản Trích lục bản đồ địa chính ngày 06/4/2018 của UBND xã Tân Thượng (bản phô tô); 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số B584238 do UBND huyện Linh cấp ngày 25/10/1995 (bản chính); 01 điện thoại của bị cáo Nguyễn Thị H1; 02 điện thoại của bị cáo Hoàng Văn H. (BL: 52, 69, 77, 93-98, 102-110)

Kết quả giám định:

Tại bản Kết luận giám định số 31/KL-PC09 ngày 11/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD331236 mang tên Hoàng Thị Thim, đề ngày 15/10/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD331247 mang tên Hoàng Thị Thim, đề ngày 15/10/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD331265 mang tên Hoàng Thị Thim, đề ngày 10/5/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS159152 mang tên Nguyễn Thị H1, đề ngày 22/12/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD321237 mang tên Nguyễn Thị H1, đề ngày 06/4/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS159145 mang tên Trần Thanh Bình, đề ngày 22/12/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD325537 mang tên Lê Huy Mên, đề ngày 05/5/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD331237 mang tên ông/bà: Lý A Công, Cao Thị Ngọc, Đoàn Khánh Nam, đề ngày 05/5/2021 đều là giả. (BL: 119-129)

Quá trình điều tra Hoàng Văn H và Nguyễn Thị H1 đã khai nhận toàn bộ quá trình nhờ làm và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên. (BL: 134-157, 171-206).

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị H1: Yêu cầu bị cáo Hoàng Văn H trả lại toàn bộ số tiền là 305.000.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu đồng) đã nhận để làm 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (trong đó có 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chưa nhận được) của bị cáo Hằng.

Bà Hoàng Thị Thim: Yêu cầu bị cáo Hoàng Văn H trả lại toàn bộ số tiền là 95.000.000 đồng (Chín mươi năm triệu đồng) đã nhận để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ bà Hoàng Thị Thim.

Bà Đặng Thị Phụng: Yêu cầu bị cáo Hoàng Văn H trả lại toàn bộ số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng) đã nhận để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Đặng Thị Phụng.

Việc mua bán thừa đất số 33, tờ bản đồ số 5, xã Tân Thượng giữa vợ chồng ông Lê Huy Mên, Nguyễn Thị H1 và bà Trần Thị Thanh Loan, hai bên đã tự thỏa thuận, Vợ chồng ông Mên, Nguyễn Thị H1 đã trả lại số tiền 300.000.000 đồng tiền đặt cọc vào ngày 25/12/2022 cho chị Loan, chị Loan đồng ý nhận lại số tiền 300.000.000 đồng tiền đặt cọc và hủy giao dịch mua bán thừa đất nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

Việc mua bán một nửa thừa đất số 21, tờ bản đồ số 17, xã Tân Thượng giữa ông Lê Cao Bình và vợ chồng ông Lê Huy Mên, Nguyễn Thị H1, sau khi vụ án

xảy ra hai bên đã thống nhất hủy bỏ việc mua bán. Vợ chồng ông Mên, Nguyễn Thị H1 yêu cầu ông Bình trả lại số tiền đã đưa cho ông Bình tổng cộng là: 343.000.000 đồng, 30.000.000 đồng là tiền cây giống, công trồng, phân bón khi trồng sầu riêng. Ông Lê Cao Bình không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của Vợ chồng ông Mên mà chỉ đồng ý trả số tiền 243.000.000 đồng mà ông Bình đã nhận.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của đối tượng mà Hoàng Văn H liên hệ qua mạng xã hội qua tài khoản Zalo tên “Vi vi” để thuê làm Giấy chứng nhận QSDĐ giả, quá trình điều tra xác minh không xác định được đối tượng làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nên chưa đủ cơ sở để xử lý. Do vậy cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau. (BL: 280-322).

Đối với hành vi bị cáo Nguyễn Thị H1 sử dụng Giấy chứng nhận QSDĐ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD321237 chuyển nhượng cho anh Hà Văn Nam nhưng khi đang làm thủ tục thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện ngăn chặn, Hằng chưa nhận được tiền của anh Nam nên chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi Nguyễn Thị H1 chuyển nhượng thửa 33, tờ bản đồ số 5, xã Tân Thượng cho Trần Thanh Bình và Trần Thị Thanh Loan (chị gái của Bình) là 1.000.000.000 đồng, sau đó bà Loan nói với Hằng nếu đất làm được Giấy chứng nhận QSDĐ thì bà Loan sẽ trả 1.300.000.000 đồng và nếu đất không làm được giấy chứng nhận QSDĐ thì bà Loan vẫn đồng ý mua với giá 1.000.000.000 đồng, bà Loan đã đặt cọc cho Hằng số tiền 300.000.000 đồng và các bên vẫn thống nhất tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất. Hành vi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, xã Tân Thượng để bán được giá trị cao hơn không đủ cơ sở xử lý về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với ông Lê Huy Mên, ông Trần Thanh Bình, Lý A Công, Cao Thị Ngọc, Đoàn Khánh Nam là những người đứng tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ là giả tuy nhiên những người này không trực tiếp liên lạc làm Giấy chứng nhận QSDĐ mà thông qua người khác tự ý làm và đối với bà Hoàng Thị Thim và Đặng Thị Phụng là những người nhờ H làm Giấy chứng nhận QSDĐ theo dạng dịch vụ, những người này không biết H làm Giấy chứng nhận QSDĐ giả nên không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này về hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tại bản Cáo trạng số 84A/CT-VKS-DL ngày 31/01/2023 truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị H1 về tội “*Làm giả tài liệu*”

của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử;

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”*; bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”*.

Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/7/2022 đến ngày 02/8/2022.

Áp dụng khoản 1, điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm c khoản 2 Điều 174 điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”* và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội. Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 18/04/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Hoàng Văn H phải trả lại số tiền là 95.000.000 đồng (chín mươi năm triệu đồng) cho bà Hoàng Thị Thim.

Bị cáo Hoàng Văn H phải trả lại số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) cho bà Đặng Thị Phụng.

Truy thu, buộc bị cáo Hoàng Văn H nộp, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và buộc bị cáo H hoàn trả lại 105 triệu đồng.

Quyết định kháng nghị số 26/QĐ-VKS-P7 ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung bản

án sơ thẩm, khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã xét xử; đồng thời bị cáo Hằng giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và buộc bị cáo H hoàn trả 105 triệu đồng. Bị cáo Hoàng Văn H không thắc mắc Quyết định kháng nghị, xin HĐXX giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 26/QĐ-VKS-P7 ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hằng thống nhất tội danh, khung hình phạt như bản án sơ thẩm đã xét xử; tuy nhiên, Cáo trạng truy tố bị cáo Hằng làm giả 04 tài liệu giả nhưng bản án sơ thẩm lại xét xử, nhận định bị cáo Hằng chịu trách nhiệm 06 giấy tờ, tài liệu giả; bản án sơ thẩm đã nhận định gây bất lợi cho bị cáo Hằng, tuy nhiên quyết định vẫn áp dụng khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự nên đề nghị HĐXX xem xét nội dung này. Đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác trong vụ án, vai trò đồng phạm trong vụ án này, bị cáo Hằng vai trò thấp hơn bị cáo H rất nhiều, nhưng Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo Hằng, nên sự phân hóa trong đồng phạm chưa đảm bảo, đồng thời bị cáo Hằng có nhiều hơn 01 tình tiết giảm nhẹ so với bị cáo H, nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hằng, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Hằng hưởng án treo; vì bị cáo không thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Liên quan số tiền bị cáo Hằng giao cho bị cáo H, bị cáo Hằng nhận 04 giấy giả là 200 triệu đồng và bị truy tố, xét xử về 04 giấy tờ giả, thì phần còn lại không có quy kết nên đề nghị bị cáo H trả lại, hoặc ghi nhận quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Hằng đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như bản án sơ thẩm quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất với lời khai của người bị hại biên bản khám nghiệm hiện trường với tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Văn H làm 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo Nguyễn Thị H1 với giá 50.000.000đ/01 GCNQSDĐ giả. Bị cáo H đã nhận của bị cáo Nguyễn Thị H1 số tiền 250.000.000đ. Đến ngày 22/12/2021, bị cáo đã hoàn thành và giao được cho bị cáo Nguyễn Thị H1 02 GCNQSDĐ giả. Bị cáo Hằng biết bị cáo H làm GCNQSDĐ giả nhưng đã đặt làm 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với bị cáo H với giá tiền 50.000.000đ/01 GCNQSDĐ, sau khi có được các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì bị cáo đã đưa vào giao dịch, chuyển nhượng cho bà Trần Thị Thanh Loan đối với thửa 21 bản đồ số 17 xã Tân Thượng, ông Hà Văn Nam đối với thửa đất số có giấy chứng nhận QSDĐ giả số BD321237 do hai thửa đất này bị cáo đã mua nhưng chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bị cáo Hoàng Văn H đã cung cấp thông tin sai sự thật, gian dối, bản thân bị cáo có quen biết với cán bộ ở Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm đồng, nên có thể làm được giấy chứng nhận QSDĐ một cách nhanh chóng, nên bà Hoàng Thị Thim đã đưa cho bị cáo 95.000.000đ để nhờ bị cáo làm hộ 03 giấy chứng nhận QSDĐ; bà Đặng Thị Phụng đã giao cho bị cáo 35.000.000đ để nhờ bị cáo làm 01 giấy chứng nhận QSDĐ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị H1 về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định.

[4] xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” thì thấy rằng; bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*”

quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù, trong khi đó bị cáo Nguyễn Thị H1 bị xử về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng bị xử phạt 04 năm tù là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, không đảm bảo tính công bằng. Do vậy, chấp nhận kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo H là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1:

[5.1] Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bà ngoại là cụ Vũ Thị Chín là Mẹ Việt Nam anh hùng nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, để xử phạt bị cáo với mức án 04 năm tù là phù hợp, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Đối với việc Luật sư đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không có căn cứ, bởi vì sau khi cơ quan điều tra phát hiện và bắt bị cáo khi bị cáo đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng thì bị ngăn chặn, quá trình điều tra bị cáo khai đã nhờ Hoàng Văn H làm giấy tờ giả chứ không phải là tình tiết cung cấp chứng cứ, tài liệu để cơ quan điều tra phát hiện tội phạm khác, một vụ án khác mà bị cáo H khởi tố cùng vụ án, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm nên không chấp nhận quan điểm của Luật sư.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới; tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo thực hiện làm giả 04 giấy tờ giả nên cần sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[5.2] Kháng cáo đề nghị buộc bị cáo Hoàng Văn H hoàn trả 105 triệu đồng; xét thấy, các bị cáo nhận thức rõ việc làm giấy tờ giả là vi phạm nhưng vẫn cố tình thực hiện, thỏa thuận làm giấy tờ giả với giá 50.000.000đ/GCNQSD giả, số tiền bị cáo đã đưa bị cáo H là vật chứng của vụ án, nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo Hoàng Văn H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là hoàn toàn phù hợp. Đối với số tiền thỏa thuận giữ các bị cáo, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Hằng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/7/2022 đến ngày 02/8/2022 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm c khoản 2 Điều 174 điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/04/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Đối với số tiền 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng) các bị cáo Hoàng Văn H, Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Di Linh (04);
- VKSND huyện Di Linh (01);
- Cơ quan CSĐT CA Di Linh (01);
- Cơ quan THAHS huyện Di Linh (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (03); Nhà tạm giữ (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đã ký****Đỗ Mạnh Hùng**